

Bản án số: 211/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 7 - 2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt
2. Bà Lê Thị Xuân Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 625/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Danh Thị Cẩm T, sinh năm 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 5 Chùa, xã An Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang
2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hoài T, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Bàu Công, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2022 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án do nguyên đơn bà Danh Thị Cẩm T trình bày như sau:

Về tình trạng hôn nhân: bà và ông T trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tiến đến hôn nhân vào năm 2011. Cả hai người có đến Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: hai người có 02 con chung tên Phạm Ngọc T V, sinh ngày 10/10/2012 và Phạm Ngọc T V sinh ngày 19/01/2018 hiện do ông T đang nuôi

khi ly hôn bà đồng ý để ông T tiếp tục nuôi con và bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định mỗi đứa mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Hoài T: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị Cẩm T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Ly hôn*” là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Phạm Hoài T có địa chỉ tại Ấp Bàu Công, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Bà Danh Thị Cẩm T khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Phạm Hoài T được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Xét xử vắng mặt: Bà Danh Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Thịnh. Ông Phạm Hoài T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà Danh Thị Cẩm T xác định có đăng ký kết hôn với ông Phạm Hoài T và có con chung. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh các con

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa bà Danh Thị Cẩm T và ông Phạm Hoài T nêu trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ

tháng 11/2020 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà T được ly hôn với ông T.

[2.2] Đối với con chung: bà T và ông T có 02 con chung tên Phạm Ngọc T V, sinh ngày 10/10/2012 và Phạm Ngọc T V sinh ngày 19/01/2018 hiện do ông T đang nuôi. Khi ly hôn bà T đồng ý để ông T tiếp tục nuôi con, bà cấp dưỡng nuôi con theo quy định mỗi đứa mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà T và ông T ly thân với nhau, con do ông T nuôi tốt và bà T không có tranh chấp gì về việc nuôi con với ông T nên cần để ông T tiếp tục nuôi con. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 1.000.000 đồng nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: bà T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Bà Danh Thị Cẩm T được ly hôn ông Phạm Hoài T.

2. *Về con chung:* ông Phạm Hoài T được tiếp tục nuôi con tên Phạm Ngọc T V, sinh ngày 10/10/2012 và Phạm Ngọc T V sinh ngày 19/01/2018. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/8/2022 đến khi các con tròn 18 tuổi. Vì quyền lợi của trẻ, bà T được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản:* không có

4. *Về nợ chung:* không có

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào

Ngân sách nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà T nộp theo biên lai số 0006914 ngày 21/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Như vậy bà T phải nộp thêm 300.000 đồng.

6. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, LA;
- Chi cục THA huyện Đức Hòa;
- Lưu.